BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN THẲNG BỔ SUNG VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG NĂM 2018

DÀNH CHO HỌC SINH TUYỂN THẲNG TỪ HỆ DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới	Nội trú		Lớp 12			Hộ khẩu thường trú			Mã ngành	Ngành học	Học sinh trường	Trường DTNT
					HT NT	HK	Toán	Hóa	Sinh	Xã	Huyện	Tỉnh				
1	Sùng A Sở	05/02/1996	Mông	Nam	7.3	XS	8.3	8.9	8.7	Bản Mù	Trạm Tấu	Yên Bái	7720115	Y học cổ truyền	THPT Vùng cao Việt Bắc	PT Vùng cao Việt Bắc
2	Hạng A Xu	01/11/1999	Mông	Nam	7.3	XS	7.3	7.0	8.2	Chiềng Cang	Sông Mã	Sơn La	7720110	Y học dự phòng	THPT DTNT Sơn La	PT Vùng cao Việt Bắc
3	Sồng A Lý	06/06/1999	Mông	Nam	7.2	Tốt	6.7	7.4	7.5	Lóng Luông	Vân Hồ	Sơn La	7720110	Y học dự phòng	THPT DTNT Sơn La	PT Vùng cao Việt Bắc
4	Lưu Thị Ngọc Anh	09/10/1999	Sán Dìu	Nữ	7.5	Tốt	7.3	7.6	7.4	Quý Sơn	Lục Ngạn	Bắc Giang	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	THPT DTNT Bắc Giang	PT Vùng cao Việt Bắc
5	Chu Hà Thu	27/04/1999	Thái	Nữ	7.2	Tốt	7.0	7.3	7.5	Nà Phòn	Mai Châu	Hòa Bình	7720501	Răng hàm mặt	THPT Vùng cao Việt Bắc	PT Vùng cao Việt Bắc
6	Dương Quỳnh Thơ	30/07/1999	Tày	Nữ	7.2	XS	8.0	8.7	7.6	Vũ Lễ	Bắc Sơn	Lạng Sơn	7720501	Răng hàm mặt	THPT Vùng cao Việt Bắc	PT Vùng cao Việt Bắc
7	Trần Minh Trường	20/05/1999	Tày	Nam	7.2	Tốt	7.2	6.7	8.1	Bằng Vân	Ngân Sơn	Bắc Kạn	7720501	Răng hàm mặt	THPT Vùng cao Việt Bắc	PT Vùng cao Việt Bắc
8	Hứa Thị Thảo Vân	10/12/1999	Nùng	Nữ	7.3	Tốt	7.0	7.2	8.2	Kiên Thành	Lục Ngạn	Bắc Giang	7720501	Răng hàm mặt	THPT DTNT Bắc Giang	PT Vùng cao Việt Bắc
9	Vương Việt Hoàng	24/08/1999	Tày	Nam	7.3	XS	7.9	8.6	7.9	Hà Lang	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	7720501	Răng hàm mặt	THPT Hữu Nghị T78	PT Vùng cao Việt Bắc
10	Hồ Khánh Linh	22/04/1999	Mường	Nữ	8.0	Tốt	7.4	7.0	7.5	Hợp Thành	Kỳ Sơn	Hòa Bình	7720101	Y khoa	THPT DTNT Hòa Bình	PT Vùng cao Việt Bắc
11	Lý A Vừ	25/10/1999	H'Mông	Nam	8.0	XS	9.2	8.9	8.5	Lao Chải	Mù Cang Chải	Yên Bái	7720101	Y khoa	THPT DTNT Miền Tây	PT Vùng cao Việt Bắc
12	Hoàng Ngọc Hiệp	12/01/1999	Tày	Nam	8.0	Tốt	7.0	7.4	5.5	Hà Hiệu	Ba Bể	Bắc Kạn	7720101	Y khoa	THPT Vùng cao Việt Bắc	PT Vùng cao Việt Bắc

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN THẲNG BỔ SUNG VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG NĂM 2018

DÀNH CHO HỌC SINH TUYỂN THẲNG TỪ HỆ DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới	Nội trú		Lớp 12			Hộ khẩu thường trú			Mã ngành	Ngành học	Học sinh trường	Trường DTNT
					HT NT	HK	Toán	Hóa	Sinh	Xã	Huyện	Tỉnh				
13	Mai Anh	17/08/1999	Tày	Nữ	8.0	XS	7.7	8.1	7.9	Vinh Quang	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	7720101	Y khoa	THPT DTNT Tuyên Quang	PT Vùng cao Việt Bắc
14	Sầm Thị Lý	23/05/1999	Tày	Nữ	8.0	Tốt	9.2	9.0	9.0	An Phú	Lục Yên	Yên Bái	7720101	Y khoa	THPT Hữu Nghị T78	PT Vùng cao Việt Bắc
15	Đào Thu Thủy	07/10/1999	Dao	Nữ	8.2	XS	7.5	7.0	7.2	Trung Trực	Yên Sơn	Tuyên Quang	7720101	Y khoa	THPT Vùng cao Việt Bắc	PT Vùng cao Việt Bắc
16	Đinh Kim Huệ	20/06/1999	Mường	Nữ	8.2	XS	8.3	8.0	8.6	Phú Mãn	Quốc Oai	Hà Nội	7720101	Y khoa	THPT DTNT Hà Nội	PT Vùng cao Việt Bắc
17	Đặng Thảo Vy	05/02/1999	Dao	Nữ	8.3	XS	7.9	8.4	8.6	Trọng Con	Thạch An	Cao Bằng	7720101	Y khoa	THPT Vùng cao Việt Bắc	PT Vùng cao Việt Bắc
18	Trần Diệp Ly	21/02/1999	Sán Dìu	Nữ	8.5	Tốt	8.1	8.8	8.9	Quang Sơn	Lập Thạch	Vĩnh Phúc	7720101	Y khoa	THPT Liễn Sơn	PT Vùng cao Việt Bắc
19	Hoàng Hồng Hạnh	07/08/1999	Tày	Nữ	8.9	XS	7.6	6.2	6.4	Tân Lĩnh	Lục Yên	Yên Bái	7720101	Y khoa	THPT Hồng Quang	PT Vùng cao Việt Bắc
20	Trương Thị Hiền	23/06/1999	Sán Dìu	Nữ	7.3	Tốt	6.3	5.8	5.2	Hợp Châu	Tam Đảo	Vĩnh PHúc	7720105	YH cổ truyền	THPT DTNT Vĩnh Phúc	PT Vùng cao Việt Bắc
21	Phùng Thị Thu Hiền	23/02/1999	Nùng	Nữ	8.7	XS	8.8	8.9	9.2	Minh Tiến	Lục Yên	Yên Bái	7720101	Y khoa	THPT DTNT Yên Bái	DBĐHDT Trung Ương
22	Vũ Thanh Thủy	29/03/1999	Tày	Nữ	8.6	XS	8.8	8.7	8.2	Yên Than	Tiên Yên	Quảng Ninh	7720101	Y khoa	THPT Tiên Yên	DBĐHDT Trung Ương
23	Viên Hồng Ngọc Bích	16/04/1999	Sán Dìu	Nữ	8.5	XS	8.4	7.8	7.9	Đại Đình	Tam Đảo	Vĩnh Phúc	7720101	Y khoa	THPT Tam Đảo	DBĐHDT Trung Ương
24	Lò Việt Dũng	19/07/1999	Thái	Nam	8.5	Tốt	8.8	8.4	8.9	Tông Lệnh	Thuận Châu	Sơn La	7720101	Y khoa	THPT Tông Lệnh	DBĐHDT Trung Ương

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN THẲNG BỔ SUNG VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG NĂM 2018

DÀNH CHO HỌC SINH TUYỂN THẲNG TỪ HỆ DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới	Nội trú		Lớp 12			Hộ khẩu thường trú			Mã ngành	Ngành học	Học sinh trường	Trường DTNT
					HT NT	HK	Toán	Hóa	Sinh	Xã	Huyện	Tỉnh				
25	Hoàng Thị Thương	17/02/1998	Tày	Nữ	8.4	XS	9.1	8.0	8.9	Hòa Cư	Cao Lộc	Lạng Sơn	7720101	Y khoa	THPT Cao Lộc	DBĐHDT Trung Ương
26	Quàng Văn Diện	15/07/1998	Thái	Nam	8.4	Tốt	8.0	8.1	8.0	Mường Bú	Mường La	Sơn La	7720101	Y khoa	THPT Mường Bú	DBĐHDT Trung Ương
27	Đỗ Hồng Ngọc	16/04/1999	Mường	Nữ	8.4	XS	8.0	8.2	9.0	Đồng Lạc	Yên Lập	Phú Thọ	7720101	Y khoa	THPT DTNT Phú Thọ	DBĐHDT Trung Ương
28	Đinh Công Minh	02/08/1999	Mường	Nam	8.4	Tốt	7.3	6.7	6.9	Thục Luyện	Thanh Sơn	Phú Thọ	7720101	Y khoa	THPT Thanh Sơn	DBĐHDT Trung Ương
29	Dương Tuấn Vũ	19/01/1999	Nùng	Nam	8.4	XS	8.8	8.4	8.9	Tân Hiệp	Yên Thế	Bắc Giang	7720101	Y khoa	THPT Yên Thế	DBĐHDT Trung Ương
30	Phạm Huyền Lương	03/02/1999	Tày	Nữ	8.3	Tốt	7.7	7.4	8.3	Yên Định	Sơn Động	Bắc Giang	7720501	Răng hàm mặt	THPT DTNT Bắc Giang	DBĐHDT Trung Ương
31	Hoàng Thị Yến	31/10/1999	Hoa	Nữ	8.3	XS	8.8	6.9	9.1	Ngọc Hội	Chiêm Hóa	Tuyên Quang	7720101	Y khoa	THPT Đầm Hồng	DBĐHDT Trung Ương
32	Hứa Việt Hùng	26/08/1999	Nùng	Nam	8.3	XS	6.7	7.4	7.9	Hộ Đáp	Lục Ngạn	Bắc Giang	7720201B	Dược học	THPT Lục Ngạn 4	DBĐHDT Trung Ương
33	Nông Thị Thu Uyên	15/11/1999	Tày	Nữ	8.3	XS	8.2	7.7	8.0	Cao Chương	Trà Lĩnh	Cao Bằng	7720201B	Dược học	THPT Chuyên Cao Bằng	DBĐHDT Trung Ương
34	Chu Thị Huệ	04/01/1999	Tày	Nữ	8.2	XS	7.8	6.3	7.9	Vân Sơn	Sơn Động	Bắc Giang	7720201B	Dược học	THPT DTNT Sơn Động	DBĐHDT Trung Ương
35	Lãnh Thị Quế	28/01/1999	Tày	Nữ	8.1	Tốt	8.7	7.7	8.1	TT Nguyên Bình	Nguyên Bình	Cao Bằng	7720201B	Dược học	THPT Nguyên Bình	DBĐHDT Trung Ương
36	Vy Thị Nguyệt Mai	18/09/1999	Tày	Nữ	8.1	XS	7.5	7.6	7.4	Minh Hòa	Hữu Lũng	Lạng Sơn	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	THPT DTNT Lạng Sơn	DBĐHDT Trung Ương

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN THẲNG BỔ SUNG VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG NĂM 2018

DÀNH CHO HỌC SINH TUYỂN THẲNG TỪ HỆ DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới	Nội trú		Lớp 12			Hộ khẩu thường trú			Mã ngành	Ngành học	Học sinh trường	Trường DTNT
					HT NT	HK	Toán	Hóa	Sinh	Xã	Huyện	Tỉnh				
37	Nguyễn Thị Nhung	04/09/1999	Mường	Nữ	8.0	XS	6.6	6.4	8.1	TT Yên Lập	Yên Lập	Phú Thọ	7720105	YH cổ truyền	THPT DTNT Phú Thọ	DBĐHDT Trung Ương
38	Đàm Thị Phương Lê	14/10/1999	Tày	Nữ	7.9	Tốt	8.5	7.7	7.7	Đào Ngạn	Hà Quảng	Cao Bằng	7720105	YH cổ truyền	THPT Chuyên Cao Bằng	DBĐHDT Trung Ương
39	Phương Tài Dũng	19/01/1999	Dao	Nam	7.8	Tốt	8.3	7.6	8.8	Thổ Bình	Lâm Bình	Tuyên Quang	7720501	Răng hàm mặt	THPT Hữu Nghị T78	DBĐHDT Trung Ương
40	Hứa Thanh Thư	01/01/1999	Nùng	Nữ	7.8	XS	9.0	8.9	8.0	Thụy Hùng	Cao Lộc	Lạng Sơn	7720501	Răng hàm mặt	THPT Cao Lộc	DBĐHDT Trung Ương
41	Nguyễn Thùy Dương	19/04/1999	Mường	Nữ	7.8	Tốt	6.5	6.2	7.9	Giáp Lai	Thanh Sơn	Phú Thọ	7720501	Răng hàm mặt	THPT Thanh Sơn	DBĐHDT Trung Ương
42	Hoàng Thị Thanh Trà	14/12/1999	Tày	Nữ	7.5	Tốt	8.5	8.6	8.1	TT Đình Lập	Đình Lập	Lạng Sơn	7720105	YH cổ truyền	THPT Đình Lập	DBĐHDT Trung Ương
43	Bế Linh Xuân	25/08/1999	Tày	Nữ	7.4	XS	6.6	6.3	7.5	An Bá	Sơn Động	Bắc Giang	7720301	Điều dưỡng	THPT DTNT Sơn Động	DBĐHDT Trung Ương
44	Vi Thu Dung	01/05/1999	Tày	Nữ	7.2	XS	8.0	8.0	8.7	TT Na Dương	Lộc Bình	Lạng Sơn	7720301	Điều dưỡng	THPT Na Dương	DBĐHDT Trung Ương
45	Ngô Thị Vân	18/03/1999	Sán Dìu	Nữ	7.2	Tốt	8.8	8.2	7.4	Bình Dân	Vân Đồn	Quảng Ninh	7720105	YH cổ truyền	THPT DTNT Quảng Ninh	DBĐHDT Trung Ương

Danh sách này có : 45 thí sinh

Hải Phòng, ngày 03 tháng 8 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Mạnh Hùng

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH TRƯỜNG
KIÊM CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng